TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày: 03/4/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bé.

2. Ông Nguyễn Thanh Phụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/HSXXST-QĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Nhật T, sinh năm 1996, tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Lê Thị Trúc Q; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10/2017, bị bắt tạm giam từ ngày 19/10/2017 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Đoàn Hồng H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. Ông Võ Văn S, sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Dương Đăng K, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. Ông Võ Văn T, sinh năm; 1974; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Ông Phạm Văn B; sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị P; sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 09 rạng ngày 10/9/2017, Phạm Nhật T đi bộ đến khu vực nhà của ông Võ Văn S, tại Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; T phát hiện nhà ông S không người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông S. T đến cửa nhà sau mở chốt cửa vào nhà ông S, bật đèn thấy một xe mô tô biển số 71K8-6843 dựng ở nhà bếp (chìa khóa xe T tìm được trên đầu tủ lạnh); hai con gà mái đang giữ con, mỗi con có trọng lượng 1,5kg được nhốt trong một cái bội tại khu vực nhà bếp; một xe mô tô biển số 71B2-943.64 dựng tại phòng ngủ (gắn sẵn chìa khóa). T bắt hai con gà mái để vào trong áo phía trước, lấy xe mô tô biển số 71K8-6843 Đ khiển về nhà bà Lê Thị Kim S (bà ngoại của T) tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre cất giấu. Sau đó, T điều khiển xe đạp quay trở lại nhà ông S, T bỏ xe đạp trước cửa nhà ông S, đi vào trong nhà lấy xe mô tô biển số 71B2-943.64 tiếp tục điều khiển về nhà bà S cất giấu (bà S không biết tài sản trên do T trộm cắp mà có). Sáng ngày 10/9/2017, ông Dương Đăng K (cháu ruột của ông S) thấy chiếc xe đạp tại nhà ông S, K biết xe đạp là của T, K tìm đến nhà bà S thì phát hiện hai xe mô tô nêu trên, K lấy hai xe mô tô về giao nộp cho cơ quan Công an. T đem hai con gà mái trộm cắp của ông S đi bán (không nhớ số tiền) tiêu xài cá nhân.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 71K8-6843 trị giá là 2.500.000 *(hai triệu năm trăm nghìn)* đồng.

- 01 xe mô tô biển số 71B2-943.64 trị giá là 3.500.000 *(ba triệu năm trăm nghìn)* đồng.

- 02 con gà mái, mỗi con có trọng lượng 1,5kg; tổng cộng 03kg, giá 61.000 đồng/kg, thành tiền: 03 x 61.000 = 183.000 *(một trăm tám mươi ba nghìn)* đồng.

Tổng cộng là: 6.183.000 *(sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn)* đồng.

Ngoài ra, Phạm Nhật T còn thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản như sau: Khoảng 23 giờ ngày 04/02/2017, Phạm Nhật T nảy sinh ý định đến nhà bà Nguyễn Thị Đ tại Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre để trộm gà của bà Đ (T biết nhà bà Đ chỉ có bà Đ và em ruột của bà Đ là bà Nguyễn Thị H sinh sống). T điều khiển xe mô tô không nhớ biển số (xe do T mua và đã bán lại không làm giấy tờ) đến nhà bà Đ, do cửa chuồng gà khóa nên T không bắt được gà. T nảy sinh ý định cưỡng đoạt tiền của bà Đ nên T dùng sợi dây thun lưng quần cột vào hai khoen cửa nhà sau phía bên ngoài rồi đi lên cửa nhà trước của bà Đ. T dùng tay đập cửa, hăm dọa yêu cầu bà Đ đưa cho T 500.000 *(năm trăm nghìn)* đồng; nếu bà Đ không đưa tiền thì T sẽ vào nhà giết, chích, úm (là bao vây nhà) bà Đ và bà H; T còn tạo sự hiểu nhầm cho bà Đ và bà H là bên ngoài có nhiều đối tượng đến yêu cầu đưa tiền để hút ma túy nên T nói: "mầy vô đây coi tao xin bả không cho". Bà Đ và bà H không dám mở cửa chỉ ở trong nhà hoảng sợ, T bên ngoài tiếp tục đập cửa và đe dọa. Bà Đ lấy 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đưa qua khe cửa nhà trước, T lấy tiền rồi lên xe mô tô chạy đi. Khi T điều khiển xe đi được một đoạn, T dừng xe lại kiểm tra biết vừa lấy được của bà Đ và bà H 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng. T thấy ít nên T quay xe lại nhà bà Đ tiếp tục đập cửa, dùng lời nói đe dọa như trên làm cho bà Đ và bà H hoảng sợ; bà H lấy 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng đưa qua khe cửa nhà trước, T lấy được tiền và tiếp tục hăm dọa nếu bà Đ báo Công an thì T sẽ giết hết cả nhà của bà Đ; sau đó, T lên xe chạy đi.

Khoảng 04 giờ ngày 07/4/2017, Phạm Nhật T điều khiển xe mô tô biển số 52M8-2427 (xe do bà Nguyễn Thị Kim T cho T mượn làm phương tiện đi lại trước đó) tiếp tục đến nhà bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H để cưỡng đoạt tài sản. Khi đến nhà bà Đ, T dùng tay đập cửa nhà trước, yêu cầu bà Đ đưa cho T 5.000.000 *(năm triệu)* đồng và đe dọa đã bao vây nhà bà Đ, dọa giết, chích, úm bà Đ và bà H, nếu bà Đ không đưa tiền. Bà Đ hoảng sợ trong nhà nói ra là đã báo Công an. T sợ Công an đến nên T bỏ đi chưa lấy được tiền của bà Đ và bà H.

Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 71K8-6843; 01 xe mô tô biển số 71B2-943.64; 01 xe đạp Martin màu trắng; 01 sợi dây thun lưng quần dài 105cm, đường kính 0,6cm, màu đen, 02 đầu sợi dây có phần nhựa bọc lại.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Võ Văn S xe mô tô biển số 71K8-6843 và xe mô tô biển số 71B2-943.64.

Bà Lê Thị Trúc Q (mẹ ruột của Phạm Nhật T) đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường cho bị hại ông Võ Văn S với số tiền là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, cho bị hại

bà Nguyễn Thị Đ với số tiền là 500.000 *(năm trăm nghìn)* đồng; ông S và bà Đ không yêu cầu bồi thường gì khác. Bà Đ có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Nhật T, gia đình của T thuộc diện hộ nghèo. Phạm Nhật T phạm tội nhiều lần, đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản vào sáng ngày 07/4/2017 là phạm tội chưa đạt.

Trong quá trình điều tra, Phạm Nhật T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của T là phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 07/CT-VKSGT, ngày 06/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phạm Nhật T về các tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 135, khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại xong; Người bị hại Nguyễn Thị Đ có đơn bải nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo có ông cố tên Phạm Văn X được tặng huy chương chiến thắng hạng nhất, quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhiều lần, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 18, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Phạm Nhật T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Phạm Nhật T từ 06 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Hình phạt bổ sung: không.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: sung quỹ 01 (một) xe đạp Martin màu trắng; tiêu hủy 01 sợi

dây thun lưng quần dài 105cm, đường kính 0,6 cm, 02 đầu sợi dây có phần nhựa bọc lại; theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12/3/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Hành vi của bị cáo Phạm Nhật T đã phạt tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản", nhất trí với bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả mà bị cáo gây ra cho các bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, là bộ đội xuất ngũ, không tiền án, tiền sự; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng (có ông cố nội là ông Nguyễn Văn X được tặng huân chương chiến thắng hạng nhất), gia đình bị cáo thuộc diện hộ ngèo. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt.

Bị hại ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị Đ đã nhận số tiền bồi thường xong, không có yêu cầu gì khác; bị hại bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Nhật T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào đêm ngày 09 rạng ngày 10/9/2017, Phạm Nhật T lén lút lấy trộm hai xe mô tô biển số 71K8-6843 và biển số 71B2-943.64; hai con gà mái trọng lượng 03kg, tổng cộng trị giá tài sản là 6.183.000 *(sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn)* đồng của ông Võ Văn S tại Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vào đêm ngày 04 rạng ngày 05/02/2017, Phạm Nhật T hai lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản

của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 500.000 *(năm trăm nghìn)* đồng, tại Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Khoảng 04 giờ ngày 07/4/2017, Phạm Nhật T đang thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản nhằm chiếm đoạt số tiền 5.000.000 *(năm triệu)* đồng của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H tại Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre thì bà Đ nói đã báo Công an. T sợ Công an đến nên T bỏ đi chưa lấy được tiền của bà Đ và bà H. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Nhật T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135, khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở nhiều địa bàn, làm cho nhiều người dân bất an, lo lắng trong sinh hoạt đời sống.

[4] Về nguyên nhân, mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo: Xuất phát từ việc chay lười lao động, không chí thú làm ăn, bản tính tham lam, tư lợi do để có tiền tiêu xài mà bất chấp pháp luật cố ý phạm tội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra để đạt mục đích.

[5] Về phương thức, thủ đoạn, điều kiện phạm tội của bị cáo: Bị cáo lợi dụng việc chủ sở hữu tài sản vắng nhà, đêm tối đột nhập vào nhà của bị hại để chiếm đoạt tài sản; bị cáo rất liều lĩnh đập cửa hăm dọa, uy hiếp tinh thần làm cho bị hại hoảng sợ để chiếm đoạt tài sản.

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Ngoài tình tiết là yếu tố định tội, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại xong; bị cáo có nhân thân tốt (là bộ đội xuất ngũ, không tiền án, tiền sự); bị hại bà Đ có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có người thân là người có công với cách mạng (ông cố nội là ông Nguyễn Văn X được tặng huân chương chiến thắng hạng nhất). Do đó, bị

cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[9] Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Để phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay và để trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng". Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Võ Văn S đã nhận lại một xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, màu đỏ, biển số 71K8 – 6843 và một xe mô tô nhãn hiệu ANGELHI, màu nâu, biển số 71B2 – 943.64. Bị cáo Phạm Nhật T đã tác động gia đình bồi thường cho ông Võ Văn S số tiền là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 500.000 *(năm trăm nghìn)* đồng; ông S và bà Đ, bà H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu hủy: 01 sợi dây thun lưng quần dài 105cm, đường kính 0,6 cm, 02 đầu sợi dây có phần nhựa bọc lại; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) Xe đạp Martin màu trắng.

[13] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Nhật T phạm các tội "Cưỡng đoạt tài sản", "Trộm cắp tài sản".

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 18, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Phạm Nhật T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Phạm Nhật T 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

1.3. Căn cứ Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Nhật T phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2017.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 sợi dây thun lưng quần dài 105cm, đường kính 0,6 cm, 02 đầu sợi dây có phần nhựa bọc lại; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe đạp Martin màu trắng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2018 của Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Nhật T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn